

1. Mục lục	1
2. Báo cáo tài chính năm 2016	02 - 04
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ	05 - 08
4. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được soát xét	09 - 10
5. Báo cáo tài chính năm 2017	11 - 12
6. Báo cáo tài chính kinh doanh giữa niên độ	13 - 14

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0104890396 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 03 năm 2017.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Quang Nguyên	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Lê Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Lê Hồng Sơn	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Tạ Thị Ánh	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải cộng bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

Số: 104/2017/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn được lập ngày 15 tháng 08 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.


Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam




Trần Thị Nguyệt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		517.153.444.539	537.804.015.138
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.675.151.773	17.241.735.805
1. Tiền	111		4.675.151.773	17.241.735.805
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.4	117.800.000.000	127.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		117.800.000.000	127.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		231.592.869.783	315.961.382.542
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	187.305.734.192	137.576.472.456
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	36.071.924.553	105.324.128.799
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		390.555.265	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.6	8.850.084.482	73.775.977.500
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.5	(1.025.428.709)	(715.196.213)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	155.549.126.378	75.925.697.212
1. Hàng tồn kho	141		155.549.126.378	75.925.697.212
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.536.296.605	1.175.199.579
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	180.377.587	341.318.898
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.355.919.018	833.880.681
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162.799.153.532	37.645.099.806
II. Tài sản cố định	220		132.968.192.373	7.945.866.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	9.158.192.373	7.925.866.361
- Nguyên giá	222		13.612.799.997	11.412.799.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.454.607.624)	(3.486.933.636)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	123.810.000.000	20.000.000
- Nguyên giá	228		123.840.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(20.000.000)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	29.671.678.974	29.671.678.974
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.000.000.000	30.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(328.321.026)	(328.321.026)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		159.282.185	27.554.471
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		159.282.185	27.554.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		679.952.598.071	575.449.114.944

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B01a-DN

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		348.618.587.772	248.214.686.794
I. Nợ ngắn hạn	310		348.618.587.772	248.214.686.794
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	24.301.645.717	14.885.911.124
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	2.525.620.231	636.032.273
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.548.172.919	10.005.926.075
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	50.000.000	50.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		390.555.265	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	623.015.554	607.367.322
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	315.179.578.086	222.029.450.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		331.334.010.299	327.234.428.150
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	331.334.010.299	327.234.428.150
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		304.759.480.000	304.759.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		304.759.480.000	304.759.480.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		26.574.530.299	22.474.948.150
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		22.474.948.150	7.966.814.116
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.099.582.149	14.508.134.034
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		679.952.598.071	575.449.114.944

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Lê Hoa

Trần Lê Hoa



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B02a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	543.380.230.821	514.098.716.109
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	2.769.393.663
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		543.380.230.821	511.329.322.446
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	528.301.590.558	490.656.667.857
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.078.640.263	20.672.654.589
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.689.032.384	1.551.938.594
7. Chi phí tài chính	22	6.5	9.475.565.647	3.328.076.925
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.475.565.647	3.328.076.925
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	1.753.404.990	1.334.286.445
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	1.861.898.543	3.682.816.931
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.676.803.467	13.879.412.882
11. Thu nhập khác	31	6.6	43.007.663	27.781.136
12. Chi phí khác	32	6.7	1.288.156.194	63.514.763
13. Lợi nhuận khác	40		(1.245.148.531)	(35.733.627)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.431.654.936	13.843.679.255
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.332.072.787	2.768.735.851
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.099.582.149	11.074.943.404
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		135	690

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC





Trần Lê Hoa

Trần Lê Hoa

Lê Tiên Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B03a-DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	644.289.380.159	580.496.842.849
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(687.731.487.917)	(630.992.789.330)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.336.223.076)	(840.535.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(9.475.565.647)	(3.328.076.925)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.915.360.524)	(803.050.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.100.000.000	130.164.500
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.362.380.515)	(60.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(58.431.637.520)	(55.397.443.906)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(61.000.000.000)	(4.946.709.089)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.200.000.000)	(120.701.150.685)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	49.900.000.000	17.001.150.685
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.014.925.402	171.056.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(47.285.074.598)	(108.475.652.439)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	527.597.093.242	260.253.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(434.446.965.156)	(100.970.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	93.150.128.086	159.283.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.566.584.032)	(4.590.096.345)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.241.735.805	9.545.696.009
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.675.151.773	4.955.599.664

NGƯỜI LẬP



Trần Lê Hoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Lê Hoa

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017
TỔNG GIÁM ĐỐC

 Lê Tiến Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0104890396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 3 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 304.759.480.000 đồng (Ba trăm linh bốn tỷ, bảy trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại sắt thép.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Hàng hóa: Giá bình quân gia quyền

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03- 05 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Phần mềm kế toán 02 năm

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Chi tiết chính sách ghi nhận các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4.10 Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí tiền bản quyền, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4.13 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại sắt, thép nên thuế suất thuế GTGT đối với các hoạt động của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4.16 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tiền mặt	4.298.839.337	4.110.579.717
Tiền gửi ngân hàng	376.312.436	13.131.156.088
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	4.675.151.773	17.241.735.805

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	187.305.734.192	-	137.576.472.456	-
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	150.894.349.651	-	114.025.189.618	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền</i>	41.299.450.792	-	30.885.666.769	-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Giang Linh</i>	6.742.182.654	-	14.534.164.434	-
<i>Công ty TNHH Phát triển Thương mại Nguyễn Anh</i>	74.022.322.422	-	64.274.972.203	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thép Hà Nội</i>	28.830.393.783	-	4.330.386.212	-
Phải thu khách hàng khác	36.411.384.541	(1.025.428.709)	23.551.282.838	(715.196.213)
Cộng	187.305.734.192	(1.025.428.709)	137.576.472.456	(715.196.213)

b) Phải thu khách hàng dài hạn

c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan

	12/31/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền</i>	41.299.450.792	-	30.885.666.769	-
Cộng	41.299.450.792	-	30.885.666.769	-

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công ty Cổ phần Thương mại Gold Sea	-	61.801.152.863
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hà Nội	-	40.182.370.000
Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	-	2.506.136.474
Công ty cổ phần Vật tư Xây dựng và Sản xuất Công Nghiệp Thái Nguyên	35.701.395.614	-
Các công ty khác	370.528.939	834.469.462
Cộng	36.071.924.553	105.324.128.799

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.4 Các khoản đầu tư tài chính

Mẫu số B09a-DN

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh					
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	117.800.000.000	117.800.000.000		117.800.000.000	
<i>Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)</i>	117.800.000.000	117.800.000.000		117.800.000.000	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	(*)	(328.321.026)	(*)	(328.321.026)
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	30.000.000.000	(*)	(328.321.026)	(*)	(328.321.026)
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền - tỷ lệ sở hữu 38%</i>	30.000.000.000	(*)	(328.321.026)	(*)	(328.321.026)
Cộng	147.800.000.000	(*)	(328.321.026)	157.500.000.000	(328.321.026)

(*) Xem thuyết minh số 8.1.iv- Công cụ tài chính

Đối tượng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền	Ghi chú
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	0501/2017/3629234	1/5/2017	06 tháng	5,3%	2.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	0601/2017/3629234	1/6/2017	06 tháng	5,6%	2.700.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	0901/2017/3629234	1/17/2017	06 tháng	5,6%	1.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	1701/2017/3629234	1/17/2017	03 tháng	4,8%	3.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.4 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Đối tượng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền	Ghi chú
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	1302/2017/3629234	2/13/2017	03 tháng	4,8%	1.100.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	2302/2017/3629234	2/23/2017	03 tháng	4,8%	3.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	01/2016/3629234	1/13/2016	06 tháng	5,3%	2.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	02/2016/3629234	1/21/2016	06 tháng	5,5%	1.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	03/2016/3629234	1/21/2016	06 tháng	5,3%	5.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	04/2016/3629234	1/25/2016	06 tháng	5,5%	4.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	05/2016/3629234	1/26/2016	06 tháng	5,5%	3.800.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	06/2016/3629234	1/29/2016	06 tháng	5,5%	3.300.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	07/2016/3629234	2/2/2016	06 tháng	5,5%	1.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	09/2016/3629234	2/4/2016	06 tháng	5,5%	700.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.4 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Đối tượng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền	Ghi chú
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	10/2016/3629234	2/16/2016	06 tháng	5,5%	1.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	11/2016/3629234	2/17/2016	06 tháng	5,0%	1.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	12/2016/3629234	2/25/2016	06 tháng	5,5%	1.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	13/2016/3629234	2/29/2016	06 tháng	5,5%	1.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	14/2016/3629234	3/8/2016	06 tháng	5,5%	4.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	18/2016/3629234	5/5/2016	12 tháng	5,8%	1.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	19/2016/3629234	5/6/2016	06 tháng	5,7%	5.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	20/2016/3629234	6/14/2016	12 tháng	7,0%	3.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	21/2016/3629234	6/30/2016	12 tháng	7,0%	3.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	23/2016/3629234	8/18/2016	12 tháng	6,3%	2.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.4 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đối tượng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền	Ghi chú
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	26/2016/3629234	9/8/2016	12 tháng	6,5%	3.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	27/2016/3629234	10/21/2016	12 tháng	6,5%	1.600.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương	28/2016/3629234	12/31/2016	04 tháng	4,3%	200.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	16032017/HL-ĐTPTSS	3/16/2017	04 tháng	4,8%	5.000.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	29032017/HL-ĐTPTSS	3/29/2017	04 tháng	4,8%	6.800.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	3132017/HL-ĐTPTSS	3/31/2017	04 tháng	4,8%	3.000.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	1342017/HL-ĐTPTSS	4/13/2017	04 tháng	4,8%	1.000.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	1742017/HL-ĐTPTSS	4/17/2017	04 tháng	4,8%	4.000.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	2142017/HL-ĐTPTSS	4/21/2017	04 tháng	4,8%	1.600.000.000	

Mẫu số B09a-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.4 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Đối tượng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền	Ghi chú
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	2642017/HL-ĐTPTSS	4/26/2017	04 tháng	4,8%	1.000.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	0532017/HL-ĐTPTSS	3/5/2017	04 tháng	4,8%	2.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	662016/HĐTGD.VVKH	6/6/2016	13 tháng	6,7%	5.400.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	762016/HĐTGD.VVKH	6/7/2016	13 tháng	6,7%	4.800.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	862016/HĐTGD.VVKH	6/8/2016	13 tháng	6,7%	3.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	1462016/HĐTGD.VVKH	6/14/2016	13 tháng	6,7%	1.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	2062016/HĐTGD.VVKH	6/20/2016	13 tháng	6,7%	4.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	2162016/HĐTGD.VVKH	6/21/2016	13 tháng	6,7%	3.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	2362016/HĐTGD.VVKH	6/23/2016	13 tháng	6,7%	1.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	2762016/HĐTGD.VVKH	6/7/2016	13 tháng	6,7%	3.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm	2962016/HĐTGD.VVKH	6/29/2016	13 tháng	6,7%	2.800.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.5 Nợ xấu

Mẫu số B09a-DN

Đối tượng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	30/06/2017		01/01/2017	
			Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Diệp Linh	dưới 01 năm	1.211.062.060	847.743.443	(363.318.617)		
Công ty Cổ phần Xây dựng MDP	dưới 01 năm	257.664.622	180.365.235	(77.299.387)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Hà Thành	dưới 01 năm	34.268.689	23.988.082	(10.280.607)		
Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc và Thiết kế Công trình Minh Việt	dưới 01 năm	716.250.000	501.375.000	(214.875.000)		
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuyền Hòa	dưới 01 năm	64.862.950	45.404.065	(19.458.885)		
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Vĩnh Lộc	Từ 01 đến dưới 2 năm	680.392.425	340.196.212	(340.196.213)	1.430.392.425	715.196.212
Cộng		2.964.500.746	1.939.072.037	(1.025.428.709)	1.430.392.425	715.196.212
						(715.196.213)
						(715.196.213)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.6 Phải thu khác

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.850.084.482	-	73.775.977.500	-
- Phải thu khác	4.305.084.482	-	3.630.977.500	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>701.652.500</i>		<i>701.652.500</i>	
<i>Lãi tiết kiệm phải thu</i>	<i>3.603.431.982</i>		<i>2.929.325.000</i>	
- Tạm ứng (*)	4.500.000.000	-	5.100.000.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (**)	45.000.000		65.045.000.000	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.850.084.482	-	73.775.977.500	-

(*) Tạm ứng

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Bùi Thị Thanh Chuyên	-	1.600.000.000
Trần Thị Vân Anh	1.200.000.000	2.000.000.000
Dương Công Trung	3.300.000.000	1.500.000.000
Cộng	4.500.000.000	5.100.000.000

(**) Theo hợp đồng đặt cọc số 235/HĐSS-KQN ngày 16 tháng 12 năm 2016 về việc đảm bảo ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 134-134A và 136 phố Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội với ông Kiều Quốc Nhật.

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	155.549.126.378		75.925.697.212	-
Cộng	155.549.126.378	-	75.925.697.212	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5.8 Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm			10.408.118.179	937.181.818	67.500.000	11.412.799.997
- Mua trong kỳ	2.200.000.000					2.200.000.000
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	2.200.000.000		10.408.118.179	937.181.818	67.500.000	13.612.799.997
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			3.034.280.229	452.653.407		3.486.933.636
- Số khấu hao trong kỳ	91.666.667		728.920.203	130.212.118	16.875.000	967.673.988
- Tặng khác				(25.312.500)	25.312.500	25.312.500
- Giảm khác						(25.312.500)
Số dư cuối kỳ	91.666.667		3.763.200.432	557.553.025	42.187.500	4.454.607.624
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm			7.373.837.950	484.528.411	67.500.000	7.925.866.361
2. Tại ngày cuối kỳ	2.108.333.333		6.644.917.747	379.628.793	25.312.500	9.158.192.373

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn giá trị sử dụng: 1.816.727.272 đồng
 Nguyên giá tài sản cố định mang đi cầm cố, thế chấp: 12.608.118.179 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm		40.000.000		40.000.000
- Mua trong kỳ (*)	123.800.000.000	-		123.800.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	123.800.000.000	40.000.000	-	123.840.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		20.000.000		20.000.000
- Số khấu hao trong kỳ		10.000.000		10.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	30.000.000	-	30.000.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	20.000.000	-	20.000.000
Tại ngày cuối kỳ	123.800.000.000	10.000.000	-	123.810.000.000

Nguyên giá tài sản cố định cầm cố, thế chấp: 123.800.000.000 đồng

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng: 0 đồng

(*) Giá trị quyền sử dụng đất hai lô đất tại địa chỉ số 134-134A và 136 phố Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

5.10 Chi phí trả trước

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	180.377.587	341.318.898
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	180.377.587	341.318.898
b) Dài hạn	159.282.185	27.554.471
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	159.282.185	27.554.471
Cộng	339.659.772	368.873.369

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

	30/06/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	
5.11. Vay và nợ thuê tài chính					
a) Vay ngắn hạn	315.179.578.086	315.179.578.086	527.597.093.242	434.446.965.156	222.029.450.000
Vay ngân hàng VND	315.179.578.086	315.179.578.086	527.597.093.242	434.446.965.156	222.029.450.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	232.984.591.499	232.984.591.499	375.154.684.298	257.507.092.799	115.337.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	7.065.300.788	7.065.300.788	14.165.300.788	14.270.000.000	7.170.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	32.931.393.004	32.931.393.004	77.528.815.361	104.369.872.357	59.772.450.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (iv)	42.198.292.795	42.198.292.795	60.748.292.795	58.300.000.000	39.750.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Cộng	315.179.578.086	315.179.578.086	527.597.093.242	434.446.965.156	222.029.450.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(i) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/3629234/HĐTD ngày 04 tháng 5 năm 2017 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương, hạn mức 200 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng, mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Toyota Yaris G biển kiểm soát 30A-929.21
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 07/2016/3629234/HĐTG ngày 02/02/2016.
- Xe ô tô Toyota Yaris G biển kiểm soát 30E-018.91
- Năm xe ô tô biển kiểm soát: Xe đầu kéo nhãn hiệu FAW BKS 29C-644.58; xe đầu kéo nhãn hiệu FAW BKS 29C-644.64; Xe đầu kéo nhãn hiệu FAW BKS 29C- 646.04; xe rơ moóc nhãn hiệu FAW BKS 29R-037.74; xe rơ moóc nhãn hiệu CIMC BKS 29R-038.73.
- Xe Lexus ES300H biển kiểm soát 30A-276.37;
- Xe Toyota Land Cruiser VX biển kiểm soát 30E-219.10;
- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số BG 000290, số vào sổ cấp GCN CH00437/NCN, số Quyết định 16383/QĐ-UBND do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/11/2011;
- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số CG 999052, số vào sổ cấp GCN CT-DA00595 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 19/4/2017;
- Hai xe ô tô tải thùng nhãn hiệu JAC biển kiểm soát 29C-645.03 và 29C-645.04
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn tại các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn và đối tác mà công ty là người thụ hưởng;

(i) Hợp đồng thấu chi số 01/2017/3629234/HĐTC ngày 25 tháng 4 năm 2017 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương, hạn mức thấu chi 66,8 tỷ đồng, thời hạn thấu chi kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 05/02/2018, mục đích thấu chi để thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;

(ii) Hợp đồng tín dụng số 19/2016-HHDDTDHM/NHCT144-ĐTPTSS ngày 04 tháng 8 năm 2016 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đông Anh, hạn mức của hợp đồng là 8,3 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 04 tháng 8 năm 2017, thời hạn vay của mỗi khoản nợ không quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân ký trên giấy nhận nợ, lãi suất vay được ghi trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các hợp đồng đảm bảo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 905/TC/2012 ngày 28 tháng 10 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Đông Anh và ông Ngô Văn Tú và bà Trần Thị Tuyền
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 988/TC/2011 ngày 22 tháng 09 năm 2011 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 17/VBSĐBS/2014 ngày 05 tháng 3 năm 2014 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Đông Anh và ông Phạm Văn Đức.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đông Anh, PGD Phù Lỗ và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 61/HĐTC ngày 29 tháng 9 năm 2011 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương, chi nhánh Đông Anh, PGD Văn Trì và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn.

(iii) Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐCTD/16054 ngày 23 tháng 5 năm 2016 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm, hạn mức cấp tín dụng là 60 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa không quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên giấy nhận nợ, lãi suất được quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo khoản vay là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 50 tỷ ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(iv) Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV/201700223 ngày 12 tháng 4 năm 2017 ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hoàn Kiếm, hạn mức cấp tín dụng là 44 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa không quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên giấy nhận nợ, lãi suất được quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Căn hộ chung cư 609 tòa nhà CT1 khu đô thị Dream Town, đường 70, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 208713 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 31/3/2015 mang tên ông Trần Quang Khải và bà Hà Thị Thu Huyền.
- Số dư tiền gửi có kỳ hạn hợp đồng tiền gửi số 1242016/HK-ĐTPTSS ký ngày 12 tháng 04 năm 2016 giữa Agribank, chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn.
- Số dư tiền gửi có kỳ hạn hợp đồng tiền gửi số 1542016/HK-ĐTPTSS ký ngày 15 tháng 04 năm 2016 giữa Agribank, chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn.
- Số dư tiền gửi có kỳ hạn hợp đồng tiền gửi số 2042016/HK-ĐTPTSS ký ngày 20 tháng 04 năm 2016 giữa Agribank, chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn.
- Số dư tiền gửi có kỳ hạn hợp đồng tiền gửi số 24012017/HK-ĐTPTSS ký ngày 24 tháng 01 năm 2017 giữa Agribank, chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn.
- Số dư tiền gửi có kỳ hạn hợp đồng tiền gửi số 3022017/HK-ĐTPTSS ký ngày 03 tháng 02 năm 2017 giữa Agribank, chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn.
- Số dư tiền gửi có kỳ hạn hợp đồng tiền gửi số 1632017/HK-ĐTPTSS ký ngày 16 tháng 03 năm 2017 giữa Agribank, chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn.
- Số dư tiền gửi có kỳ hạn hợp đồng tiền gửi số 2932017/HK-ĐTPTSS ký ngày 29 tháng 03 năm 2017 giữa Agribank, chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn.
- Số dư tiền gửi có kỳ hạn hợp đồng tiền gửi số 3132017/HK-ĐTPTSS ký ngày 31 tháng 03 năm 2017 giữa Agribank, chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn.

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	24.301.645.717	24.301.645.717	14.885.911.124	14.885.911.124
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	16.029.319.973	13.054.838.995	13.533.109.731	13.533.109.731
<i>Công ty Cổ phần Thép Việt Ý</i>	2.603.933.277	2.603.933.277	4.996.591.215	4.996.591.215
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công Nghiệp</i>	6.124.891.055	6.124.891.055	4.010.503.853	4.010.503.853
<i>Công ty TNHH Natsteelvina</i>	4.326.014.663	4.326.014.663	4.526.014.663	4.526.014.663
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh</i>	2.974.480.978	2.974.480.978	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	8.272.325.744	11.246.806.722	1.352.801.393	1.352.801.393
Cộng	24.301.645.717	24.301.645.717	14.885.911.124	14.885.911.124
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phúc Thịnh	-	170.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Thành Tín	-	142.497.264
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Gia Hưng	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Việt Hoàng	375.266.657	75.266.657
Công ty Cổ phần Xây dựng Thăng Long	1.576.029.736	-
Các đối tượng khác	574.323.838	48.268.352
Cộng	2.525.620.231	636.032.273

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
- Thuế GTGT	618.741.001	-	618.741.001	-
- Thuế TNDN	9.115.484.745	1.348.048.698	4.915.360.524	5.548.172.919
- Các loại thuế khác	271.700.329	1.121.360.648	1.393.060.977	-
Cộng	10.005.926.075	2.469.409.346	6.927.162.502	5.548.172.919

b) Phải thu

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 ²⁷³ (VND)
a) Ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	50.000.000	50.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	50.000.000	50.000.000

5.16 Các khoản phải trả khác

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Bảo hiểm xã hội	498.199.000	485.192.500
- Bảo hiểm y tế	86.227.251	84.398.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	38.322.481	37.510.000
- Phải trả, phải nộp khác	266.822	266.822
Cộng	623.015.554	607.367.322

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.17 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	160.800.000.000	24.179.924.116	184.979.924.116
Tăng vốn trong năm trước	143.959.480.000		143.959.480.000
Lãi trong năm trước		14.508.134.034	14.508.134.034
Tăng khác			-
Giảm vốn trong năm trước			-
Phân phối lợi nhuận			-
Lỗ trong năm trước			-
Giảm khác		(16.213.110.000)	(16.213.110.000)
Số dư đầu năm nay	304.759.480.000	22.474.948.150	327.234.428.150
Tăng vốn trong kỳ			-
Lãi trong kỳ		4.099.582.149	4.099.582.149
Tăng khác			-
Giảm vốn trong kỳ			-
Phân phối lợi nhuận			-
Lỗ trong kỳ			-
Giảm khác			-
Số dư cuối kỳ	304.759.480.000	26.574.530.299	331.334.010.299

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Vốn góp của Nhà nước		
Vốn góp của các đối tượng khác	304.759.480.000	16.800.000.000
Cộng	304.759.480.000	16.800.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	304.759.480.000	160.800.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	143.959.480.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	304.759.480.000	304.759.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Cổ phiếu

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.475.948	30.475.948
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.475.948	30.475.948
- Cổ phiếu phổ thông	30.475.948	30.475.948
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.475.948	30.475.948
- Cổ phiếu phổ thông	30.475.948	30.475.948
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	4.099.582.149	11.074.943.404
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		25.416.667
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	30.475.948	16.080.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	135	690

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	543.380.230.821	514.098.716.109
Cộng	543.380.230.821	514.098.716.109
Doanh thu các bên liên quan		-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	177.970.076.387	50.824.941.086
Cộng	177.970.076.387	50.824.941.086
Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản		

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Chiết khấu thương mại	-	2.769.393.663
Cộng	-	2.769.393.663

6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Giá vốn của hàng bán và cung cấp dịch vụ	528.301.590.558	490.656.667.857
Cộng	528.301.590.558	490.656.667.857

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi tiền gửi, cho vay	4.689.032.384	1.551.938.594
Cộng	4.689.032.384	1.551.938.594

6.5 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi tiền vay	9.475.565.647	3.328.076.925
Cộng	9.475.565.647	3.328.076.925

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Thu tiền hỗ trợ nhà phân phối	43.007.663	27.781.136
Cộng	43.007.663	27.781.136

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Các khoản bị phạt	1.211.834.001	-
Các khoản chi phí khác	76.322.193	63.514.763
Cộng	1.288.156.194	63.514.763

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:	1.861.898.543	3.682.816.931
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh	1.458.465.477	2.724.343.630
<i>Chi phí nhân công quản lý</i>	780.626.923	480.510.390
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	231.878.785	135.128.786
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	135.727.273	529.780.571
<i>Chi phí dự phòng phải thu khó đòi</i>	685.232.496	1.578.923.883
<i>Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi</i>	(375.000.000)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	403.433.066	958.473.301
Các khoản chi phí bán hàng:	1.753.404.990	1.334.286.445
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	1.432.976.469	1.064.367.180
+ <i>Chi phí nhân công</i>	555.596.153	587.724.610
+ <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	148.460.113	-
+ <i>Chi phí khấu hao</i>	728.920.203	476.642.570
- Chi phí bán hàng khác	320.428.521	269.919.265
Cộng	3.615.303.533	5.017.103.376

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		62.414.248
Chi phí nhân công	1.336.223.076	1.068.235.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	960.798.988	611.771.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	284.187.386	746.291.787
Chi phí bằng tiền khác	348.861.587	1.165.978.318
Cộng	2.930.071.037	3.654.690.709

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.431.654.936	13.843.679.255
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.228.709.001	
+ <i>Các khoản phạt</i>	1.211.834.001	
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	16.875.000	
Thu nhập chịu thuế	6.660.363.937	13.843.679.255
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.332.072.787	2.768.735.851

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2017			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.675.151.773		4.675.151.773
Phải thu khách hàng	187.305.734.192		187.305.734.192
Đầu tư	117.800.000.000	30.000.000.000	147.800.000.000
Phải thu khác	8.850.084.482		8.850.084.482
Tài sản tài chính khác	-		-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.025.428.709)		(1.025.428.709)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(328.321.026)	(328.321.026)
Tổng cộng	317.605.541.738	29.671.678.974	347.277.220.712
Giá trị ghi sổ			
Các khoản vay và nợ	315.179.578.086		315.179.578.086
Phải trả người bán	24.301.645.717		24.301.645.717
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	673.015.554	-	673.015.554
Tổng cộng	340.154.239.357	-	340.154.239.357
Chênh lệch thanh khoản thuần	(22.548.697.619)	29.671.678.974	7.122.981.355
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2017			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.241.735.805		17.241.735.805
Phải thu khách hàng	137.576.472.456		137.576.472.456
Đầu tư	127.500.000.000	30.000.000.000	157.500.000.000
Phải thu khác	73.775.977.500		73.775.977.500
Tài sản tài chính khác	-		-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(715.196.213)		(715.196.213)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(328.321.026)	(328.321.026)
Tổng cộng	355.378.989.548	29.671.678.974	385.050.668.522
Giá trị ghi sổ			
Các khoản vay và nợ	222.029.450.000		222.029.450.000
Phải trả người bán	14.885.911.124		14.885.911.124
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	657.367.322	-	657.367.322
Tổng cộng	237.572.728.446	-	237.572.728.446
Chênh lệch thanh khoản thuần	117.806.261.102	29.671.678.974	147.477.940.076

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	117.800.000.000	127.500.000.000	117.800.000.000	127.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	30.000.000.000	(*)	(*)
Các khoản cho vay và phải thu	196.155.818.674	211.352.449.956	195.130.389.965	210.637.253.743
<i>Phải thu khách hàng và phải thu khác</i>				
<i>Tài sản tài chính khác</i>				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.675.151.773	17.241.735.805	4.675.151.773	17.241.735.805
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>				
Tổng cộng	348.630.970.447	386.094.185.761	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính	315.179.578.086	222.029.450.000	315.179.578.086	222.029.450.000
Vay và nợ	24.301.645.717	14.885.911.124	24.301.645.717	14.885.911.124
<i>Phải trả người bán</i>				
<i>Phải trả khác</i>	623.015.554	607.367.322	623.015.554	607.367.322
Tổng cộng	340.104.239.357	237.522.728.446	340.104.239.357	237.522.728.446

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8.2 Báo cáo bộ phận**8.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực hoạt động bao gồm: buôn bán sắt, thép và vật liệu xây dựng. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND		
	Thép cuộn	Thép cây	Khác
Doanh thu	115.000.417.642	428.164.715.003	215.098.176
Các khoản giảm trừ doanh thu			-
Giá vốn hàng bán	109.465.413.982	418.625.836.076	210.340.500
Lợi nhuận gộp	5.535.003.660	9.538.878.927	4.757.676
			TỔNG CỘNG
			543.380.230.821
			528.301.590.558
			15.078.640.263

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND		
	Thép cuộn	Thép cây	Khác
Doanh thu	104.365.084.052	409.408.481.159	325.150.898
Các khoản giảm trừ doanh thu	856.340.722	1.913.052.941	2.769.393.663
Giá vốn hàng bán	99.815.049.079	390.644.505.251	197.113.527
Lợi nhuận gộp	3.693.694.251	16.850.922.967	128.037.371
			TỔNG CỘNG
			514.098.716.109
			2.769.393.663
			490.656.667.857
			20.672.654.589

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Thép cuộn	Thép cây	Khác	TỔNG CỘNG
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	80.195.664.239	298.581.121.941	149.998.943	378.926.785.123
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				301.025.812.948
Tổng tài sản				679.952.598.071
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.677.694.206	21.138.952.114	10.619.628	26.827.265.948
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				321.791.321.824
Tổng nợ phải trả				348.618.587.772
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	64.723.626.796	253.901.024.295	201.647.376	318.826.298.467
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				256.622.816.477
Tổng tài sản				575.449.114.944
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.151.046.436	12.361.079.831	9.817.130	15.521.943.397
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				232.692.743.397
Tổng nợ phải trả				248.214.686.794

8.2.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Đến ngày 19/4/2017 Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CG 999052, số vào sổ cấp GCN CT-DA00595 lô đất tại địa chỉ số 136 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Đến ngày 19/4/2017 Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CG 999053, số vào sổ GCN CT-DA00594 lô đất tại địa chỉ 134-134A Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**8.6 Thông tin về các bên liên quan**Các bên liên quan:

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	KĐTMM Hồ Xương Rồng, tổ 13, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan:

Trong kỳ tài chính các giao dịch của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	Thu tiền hàng	185.673.300.000

Thu nhập của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng giám đốc:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lương thưởng của Ban Tổng giám đốc	88.038.462	80.346.154
Thù lao và thưởng của HĐQT	54.000.000	54.000.000

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017



Trần Lê Hoa



Trần Lê Hoa



Lê Tiến Dũng